

Số: 20 /TB-CCTHADS

Tp Thái Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án

Căn cứ Điều 102 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá”;

Căn cứ Bản án số 03/2020/KDTM-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020; Quyết định sửa chữa bổ sung số 03/2020/QĐ-SCBSQĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Bản án số 09/2021/KDTM-PT ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 34/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án số 01/QĐ-CCTHADS ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình;

Căn cứ biên bản giao nhận tài sản thi hành án từ ngày 28/3/2022 đến ngày 07/4/2022 của Chi cục THADS thành phố Thái Bình.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thông báo về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản thẩm định giá: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản thẩm định giá:

**2.1. Tài sản thế chấp nằm trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04/2011/TLĐC
gồm:**

2.1.1. Nhà bảo vệ cổng trước (Ký hiệu 1 trong sơ đồ):

- Diện tích: 18m²

- Mô tả: Nhà mái bằng, 1 tầng

2.1.2. Nhà kho dầu (Ký hiệu 2):

- Diện tích: 300m²

- Mô tả: Kết cấu dầm thép, dầm zamil, mái tôn, nền bê tông, tường xây bao 2m, ước tính cao khoảng 6,35m

2.1.3. Nhà kho nhiên liệu (Ký hiệu 3):

- Diện tích: 1.215m²
- Mô tả: Kết cấu kèo dầm thép zamil, tường bao khoảng 3m.

2.1.4. Nhà sậy nguyên liệu (Ký hiệu 4):

- Diện tích: 480m²
- Mô tả: Kết cấu móng bê tông cốt thép, kết cấu cột thép, dầm zamil, lợp mái tôn, nền bê tông, tường bao xây cao khoảng trên 2m, bên trên tường là vách tôn xung quanh.

2.1.5. Nhà dây chuyền 4 tầng (Ký hiệu 5):

- Diện tích: 4 x 420m²
- Mô tả: Kết cấu móng bê tông cốt thép, kết cấu cột thép, dầm zamil, lợp mái tôn, nền bê tông, tường bao xây cao khoảng trên 2m, bên trên tường là vách tôn xung quanh.

2.1.6. Nhà dây chuyền 1 tầng (Ký hiệu 6):

- Diện tích: 1.696m²
- Mô tả: Kết cấu móng bê tông cốt thép, kết cấu cột thép, dầm zamil, lợp mái tôn, nền bê tông, tường bao xây cao khoảng trên 2m, bên trên tường là vách tôn xung quanh.

2.1.7. Nhà kho thành phẩm (Ký hiệu 7):

- Diện tích: 2.250m²
- Mô tả: Kết cấu móng bê tông cốt thép, kết cấu cột thép, dầm zamil, lợp mái tôn, nền bê tông, tường bao xây cao khoảng trên 2m, bên trên tường là vách tôn xung quanh.

2.1.8. Cầu container (Ký hiệu 8):

- Diện tích: 300m²
- Mô tả: Kết cấu cột thép, mái tôn và nền bê tông.

2.1.9. Nhà sinh hoạt công nhân (Ký hiệu 9):

- Diện tích: 300m². Diện tích thực tế: 10m x 17m.
- Mô tả: kết cấu móng bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép, xây tường bao bốn xung quanh, lợp mái ngói, nền lát gạch. Thuộc loại nhà gian.

2.1.10. Sân thể thao (Ký hiệu 10):

- Diện tích: 480m²

2.1.11. Bể chứa nước sản xuất (Ký hiệu 11):

- Diện tích: 100m²

- Mô tả: Kết cấu xây bê bằng bê tông kết hợp với gạch, trên có mái che bằng tôn.

2.1.12. Trạm điện (Ký hiệu 12):

- Diện tích: 70m²

- Mô tả: Kết cấu được xây dựng tường bao bốn xung quanh, bên trong dựng trạm điện.

2.1.13. Nhà máy phát điện (Ký hiệu 13):

- Diện tích: 40m²

- Mô tả: Kết cấu móng bê tông, xây tường gạch chỉ, lợp mái tôn.

2.1.14. Nhà bảo vệ cổng sau (Ký hiệu 14):

- Diện tích: 18m². Diện tích thực tế: 4,8m x 2,7m.

- Mô tả: Kết cấu móng bê tông, xây tường gạch chỉ, lợp mái tôn. Diện tích thực tế không đủ 18m².

2.1.15. Nhà Supde nổi hơi, dầu (Ký hiệu 15):

- Diện tích: 250m²

- Mô tả: Kết cấu móng bê tông cốt thép, cột thép dầm zamil, kèo thép lợp mái tôn.

2.1.16. Nhà vệ sinh (Ký hiệu 16):

- Diện tích: 50,4m²

- Mô tả: Nhà mái bằng 1 tầng.

2.1.17. Nhà ăn (Ký hiệu 17):

- Diện tích: 200m². Diện tích thực tế: 6m x 13,2m.

- Mô tả: Nhà mái bằng 1 tầng, trên có lợp tôn, diện tích thực tế không đủ 200m²

2.1.18. Nhà xe công nhân (Ký hiệu 18):

- Diện tích: 225m²

- Mô tả: Kết cấu nền bê tông, cột thép, lợp mái tôn.

2.1.19. Đường bê tông (Ký hiệu 19):

- Mô tả:

2.1.20. Bãi nguyên liệu (Ký hiệu 20):

- Diện tích: 1.700m²

- Mô tả: Nền bê tông.

2.1.21. Bồn hoa khuôn viên (Ký hiệu 21):

- Mô tả: Xây bồn hoa, trồng cây xanh.

2.1.22. Khu bể xử lý nước (Ký hiệu 25):

- Diện tích: 96m²

- Mô tả: Xây dựng móng bằng bê tông cốt thép và gạch chỉ. Trên có lợp một phần mái tôn.

2.1.23. Cây bơm dầu Diezen (ký hiệu 28):

- Diện tích: 16m²

- Mô tả: Móng xây gạch, tường bao bốn xung quanh, có hầm chứa dầu, lợp mái tôn.

2.1.24. Dây chuyền sản xuất Xơ Polyester 20.000 tấn:

- Công dụng: Sản xuất xơ Polyester

- Sản xuất năm 2007

- Mô tả: Thực tế vẫn đang hoạt động.

2.1.25. Máy phân loại nhựa PET:

- Công dụng: Phân loại nhựa

- Loại 6sxz-252 (DCQL005);

- Sản xuất năm 2011.

- Mô tả: Ngừng hoạt động.

2.1.26. Trạm biến áp 560 KVA:

- Công dụng: Duy trì hệ thống điện lưới

- Sản xuất năm 2007

2.1.27. Máy phát điện Mishubishi:

- Công dụng: Phát điện

- Sản xuất năm 2007

2.1.28. Bồn sấy liệu:

- Công dụng: Sấy sợi

- Sản xuất năm 2008

- Mô tả: Thực tế không hoạt động.

2.1.29. Băng tải dốc:

- Công dụng: Truyền tải
- Sản xuất năm 2007
- Mô tả: Kết cấu bằng thép và băng tải, không còn hoạt động.

2.1.30. Máy phát điện 150 KVA:

- Công dụng: Phát điện
- Sản xuất năm 2007
- Mô tả: Thực tế không có.

2.1.31. Nồi hơi 2.0 tấn:

- Công dụng: Sinh hơi
- Sản xuất năm 2007
- Mô tả: Thực tế không có.

2.2. Tài sản cầm cố

2.2.1. Xơ thành phẩm tổng số: 1.148.410 kg.

2.2.2. Nhựa Pet phế liệu: Tổng số bao trong kho nguyên liệu là 3.295 bao, trong đó bao loại to là 2.354; bao loại nhỏ là 941. Khối lượng trung bình bao loại to là: 513kg/bao; khối lượng trung bình bao loại nhỏ là: 20kg/bao;

- Tổng khối lượng bao loại to là: 2.354 bao x 513 kg = 1.207,602 tấn;
- Tổng khối lượng bao loại nhỏ là: 941 bao x 20 kg = 18.820kg

Tổng số 1.226,422 tấn nhựa Pet phế liệu.

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản:

3.1. Có tên trong danh sách các tổ chức thẩm định giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

3.2. Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức thẩm định giá tài sản;

3.3. Thù lao dịch vụ thẩm định giá, chi phí thẩm định giá tài sản phù hợp;

3.4. Gửi Báo giá trong thời hạn nêu trên.

3.5. Trường hợp có nhiều tổ chức thoả mãn điều kiện và có mức chào giá bằng nhau thì thực hiện theo khoản 4 Điều 2 Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự để lựa chọn đơn vị được thẩm định giá.

IV. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá:


4.1. Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 18/4/2022 đến hết ngày 20/4/2022.

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Số 364, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
VẬY, thông báo để các tổ chức thẩm định giá tài sản biết./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Viện KSND Tp Thái Bình;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Thị Minh Lương